



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ANH MINH (VŨ ANH)

Đường Phan Văn Trị, P.7, Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

THÔNG TIN CHUNG

QUY MÔ

Bệnh viện xây dựng theo mô hình Bệnh viện – Khách sạn hiện đại đã đầu tư khoảng 100 giường bệnh (quy mô 200), diện tích sử dụng hơn 1ha. Cung cấp các dịch vụ như khám, xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh, điều trị nội, nhi, sản phụ khoa, ngoại tổng quát, ngoại niệu và chấn thương chỉnh hình.

TÌNH TRẠNG

Bệnh viện hoạt động từ ngày 1/11/2002



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

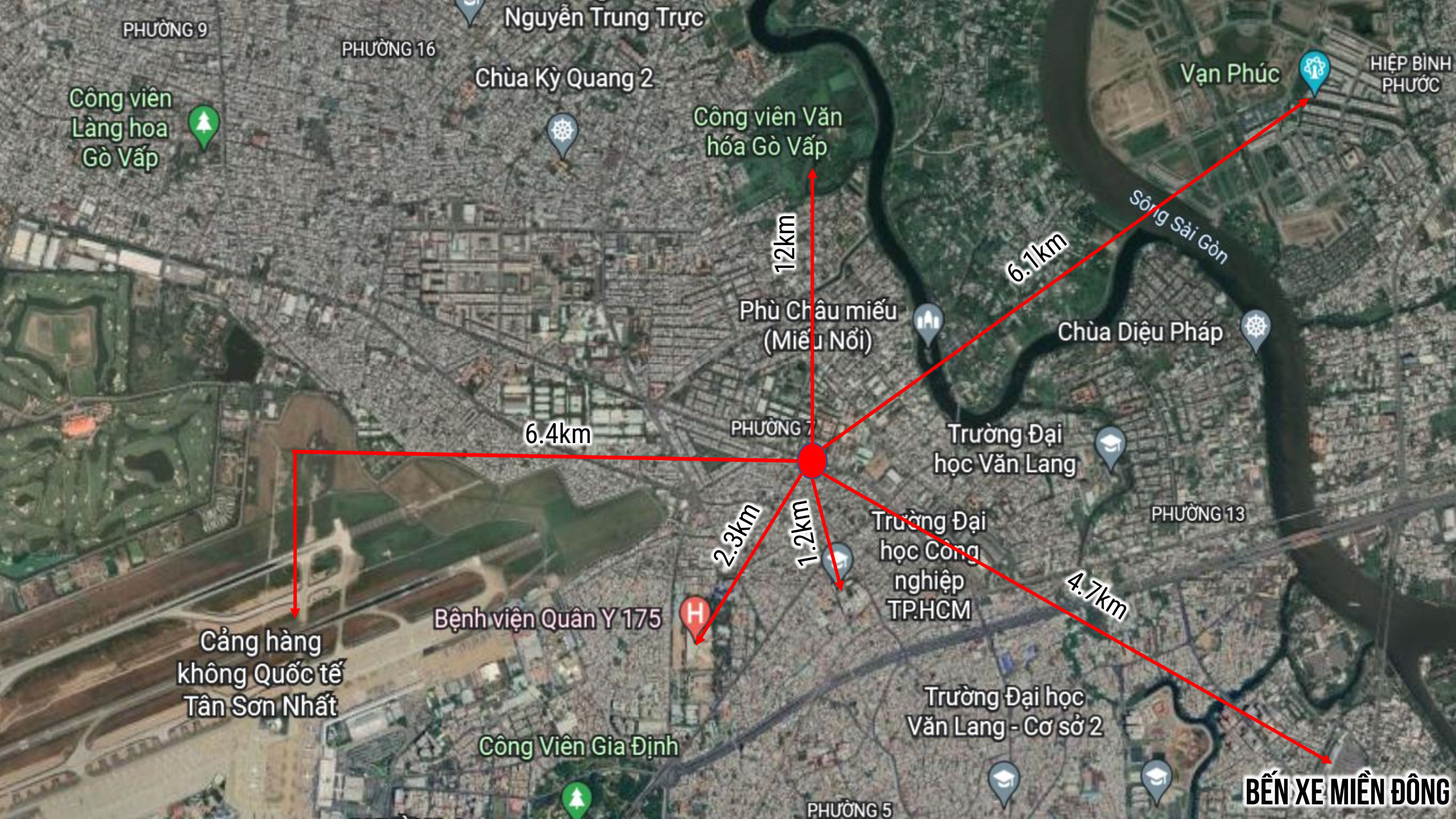
VỊ TRÍ KHU ĐẤT





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

VỊ TRÍ KHU ĐẤT



PHƯỜNG 9

PHƯỜNG 16

Nguyễn Trung Trực

Chùa Kỳ Quang 2

Công viên
Làng hoa
Gò Vấp

Công viên Văn
hóa Gò Vấp

Phù Châu miếu
(Miếu Nổi)

6.4km

12km

6.1km

Vạn Phúc

HIỆP BÌNH
PHƯỚC

Sông Sài Gòn

Chùa Diệu Pháp

Trường Đại
học Văn Lang

PHƯỜNG 13

Trường Đại
học Công
nghiệp
TP.HCM

4.7km

Cảng hàng
không Quốc tế
Tân Sơn Nhất

Bệnh viện Quân Y 175

2.3km

1.2km

Công Viên Gia Định

Trường Đại học
Văn Lang - Cơ sở 2

PHƯỜNG 5

BẾN XE MIỀN ĐÔNG



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

HỒ SƠ PHÁP LÝ

GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

BẢN SAO

I- Tên người sử dụng đất

CÔNG TY TNHH VŨ ANH

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102012168 ngày 16/10/2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 14/08/2003.

Địa chỉ trụ sở chính: A31 Cư xá Lam Sơn, phường 17, quận Gò Vấp.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 44-2 2. Tờ bản đồ số: 5 BDC P.7, Q. GV (theo tài liệu đo năm 2001)

3. Địa chỉ thửa đất: Phường 7, quận Gò Vấp.

4. Diện tích: 2.710 m²

Bảng chữ: (Hai ngàn bảy trăm mười mét vuông)

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 2.710 m²

+ Sử dụng chung: không m²

6. Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

7. Thời hạn sử dụng đất: ổn định lâu dài.

8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền SDD * Nhận QSDĐ do chuyển nhượng QSDĐ.

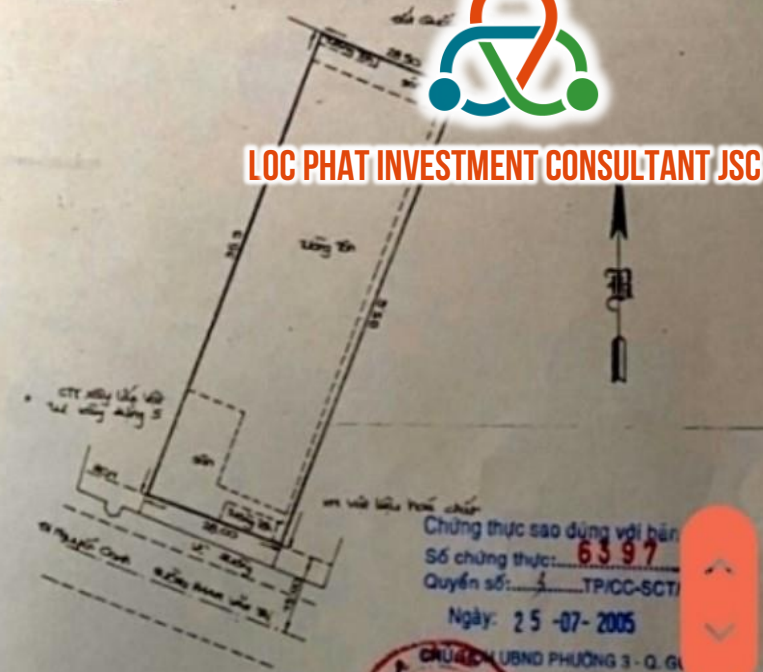
III- Tài sản gắn liền với đất

Hiện trạng có nhà tường gạch, mái tôn chưa có chứng từ về xây dựng.

IV- Ghi chú

Phản chi tiết xem bản đồ HTVT số 101/KĐBĐ do Trung tâm kiểm định bản đồ và Tư vấn địa ốc duyệt ngày 15/07/2005. Nhận chuyển nhượng QSDĐ theo Hợp đồng số 237/CN có xác nhận của UBND Q. Gò Vấp ngày 09/06/2004.

V- Sơ đồ thửa đất



Chứng thực sao đúng với bản

Số chứng thực: 6397

Quyển số: TPICC-SCT

Ngày: 25-07-2005

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 3 - Q. G. V.

Tỷ lệ: 1/2000



Nguyễn Văn Giang

Ngày 25 tháng 07 năm 2005

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Thế Ngọc

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00004



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125...../BYT - GPĐD

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên bệnh viện: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA ANH MINH**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **BS. Đào Bạch Quế Anh.**

Số chứng chỉ hành nghề: 000219/HCM-CCHN. Ngày cấp: 26/4/2012.

Nơi cấp: Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa.

Địa điểm: Số 15-16 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KT

Số : 81/GPXD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2005

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Xây dựng mới	X
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho : CÔNG TY TNHH VŨ ANH (Do Bà Trương Thị Tuyết Nga đại diện)

2. Địa chỉ : Số nhà : 671 Đường : Nguyễn Kiệm

Phường (Xã) : 03 Quận (Huyện) : Gò Vấp

3. Được phép xây dựng công trình : Bệnh viện

4. Theo thiết kế có ký hiệu : KT 01/04 + 04/04

5. Do : Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD – TM – DL Anh Linh lập ngày 10/10/2004

Gồm các hạng mục sau đây :

a) Bệnh viện : 4 lầu có 2 tầng hầm, tường gạch, khung, sàn, mái BTCT.

+ Chiều cao từng tầng : Hầm 1 : 3,0m, hầm 2 : 3,2m, trệt : 4,2m, lầu 1 : 3,6m, lầu 2 : 3,6m, lầu 3 : 3,6m, lầu 4 : 2,5m.

+ Chiều cao công trình : 19m

+ DTXD :

Hầm 1 :	$(87,56m \times 12m) - 0,5 (3,2m \times 3,2m) - (24m \times 3,6m)$	
	$- 2 (8,15m \times 4,3m)$	= 889,35m ²
Hầm 2 :	$(85,78m \times 17m) + 0,5 (12m + 17m) \times 5,04m$	
	$+ 0,5 (4,7m + 4,84m) \times 12m + 0,5 (5m \times 4,84m)$	= 1.600,68m ²
Trệt :	$(81,06m \times 12m) - (8m \times 4,3m) - 0,5 (3,2m \times 3,2m)$	
	$- (24,66m \times 4,4m) - (24,66m \times 4,5m) + (0,9m \times 16m)$	= 728,13m ²
Lầu 1 :	$(84,36m \times 14,4m) - 0,5 (4,02m \times 4,01m)$	
	$- (32m \times 5,75m) - (1,4m \times 3,4m)$	= 1.017,96m ²
Lầu 2 :	$(84,36m \times 14,4m) - 0,5 (4,02m \times 4,01m) - (32m \times 2,59m)$	= 1.123,84m ²
Lầu 3, 4 :	$2 [(84,36m \times 14,4m) - 0,5 (4,02m \times 4,01m) - (32m \times 0,2m)]$	= 2.400,65m ²
Tổng DTXD =		7.760,61m ²

b) Hạ tầng kỹ thuật : Chủ đầu tư cần thực hiện đầy đủ theo bản vẽ thiết kế và quy trình xử lý nước thải phải thực hiện theo quy định Nhà nước đảm bảo các quy định về môi trường trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Trên lô đất : 40⁻¹ – Từ 5 Diện tích : 1720m² (đã trừ lộ giới)

- Cao độ nền : (theo bản vẽ được duyệt kèm GPXD này) Chỉ giới xây dựng : Cách tim đường Phan Văn Trị : 25,86m.

Tại số nhà : 15 – 16 Đường : Phan Văn Trị

Phường (Xã) : 07 Quận (Huyện) : Gò Vấp

6. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00004 ngày 01/02/2005 do UBND thành phố cấp.

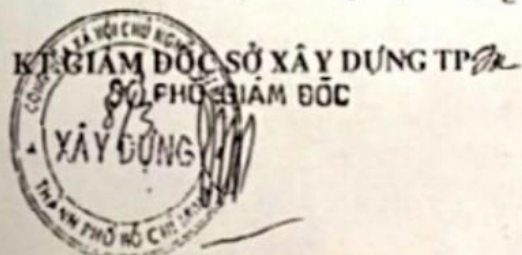
(Xem tiếp mặt sau) *sg*

Nơi nhận : *Long*

- Như trên.

- UBND P.7 - Q.GV (bản photo).

- Lưu.



Ph. Quang Trung



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0302752510

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 10 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 31 tháng 07 năm 2018

(tên cũ: Công ty TNHH Vũ Anh)

(Tên cũ: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VŨ ANH)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA ANH MINH**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **ANH MINH GENERAL HOSPITAL COMPANY LIMITED**

Tên công ty viết tắt: **ANH MINH HOSPITAL CO., LTD**

2. Địa chỉ trụ sở chính

15-16 Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: **8943510**

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ **590.000.000.000 đồng**

Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ HAI MINH ANH	671 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	531.000.000.000	90,000	024953732	
2	VŨ HAI ANH	671 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Việt Nam	59.000.000.000	10,000	023897232	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

BỆNH VIỆN VŨ ANH

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tp.HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2019

Số: 57 /QĐ-SYT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh theo
Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ Trưởng Bộ Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Quyết định số 236/2003/QĐ-UB ngày 23/10/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Thành phố;
- Căn cứ Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh;
- Căn cứ Quyết định số 3940/QĐ-BYT ngày 15/10/2007 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Vũ Anh (địa chỉ số 15-16, đường Phan Văn Trị Phường 07, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh) kèm giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề số 08/GCNĐDKHN-Y của Bộ Y tế cấp ngày 15/10/2007.
- Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Đa Khoa Tư Nhân Vũ Anh tại công văn số 189/CV-VA ngày 26 tháng 12 năm 2007 về việc xin duyệt danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Vũ Anh;
- Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH

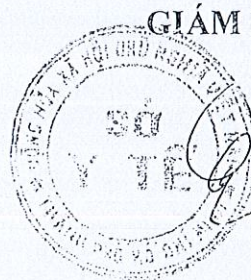
Điều 1. Nay phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh đang được triển khai thực hiện tại Bệnh viện Đa Khoa Tư Nhân Vũ Anh, Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt là hành lang pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông, Bà: Chánh văn phòng, Trưởng / Phó các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, Giám đốc Bệnh viện Đa Khoa Tư Nhân Vũ Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: Văn phòng Sở.
LHN Tuấn, PVN; “5b”



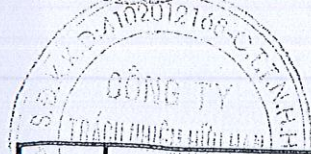
GIÁM ĐỐC

BS. NGUYỄN VĂN CHÁU



**PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT VÀ DANH MỤC KỸ THUẬT
TRONG KHÁM CHỮA BỆNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/08/2005
của Bộ trưởng Bộ Y tế)



I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
5	Kích thích tim vĩnh viễn bằng điện cực trong buồng tim (một ổ)	X	X	X	
8	Thông khí nhân tạo dài ngày xâm nhập và không xâm nhập với nhiều phương thức khác nhau	X	X		
9	Lọc máu cấp cứu (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)	X	X		
11	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết	X	X		
12	Soi dạ dày thực quản chân đoán và cầm máu	X	X	X	
13	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	
14	Mở khí quản	X	X	X	
15	Thông khí nhân tạo không xâm nhập và xâm nhập bằng thở máy đơn giản	X	X	X	
16	Hút đờm khí phế quản ở bệnh nhân sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	X	X	X	
17	Cho ăn qua ống thông dạ dày	X	X	X	
18	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	X	X	X	
19	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	X	X	X	
20	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	X	X	X	
21	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	X	X	X	
22	Kích thích tim tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	X	X	X	
23	Sốc điện ngoài lồng ngực	X	X	X	
24	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	X	X	X	
25	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim	X	X	X	
26	Bơm rửa màng phổi	X	X	X	
27	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm	X	X	X	
28	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X	X	
29	Đặt ống thông Blakemore	X	X	X	
30	Siêu âm tại giường bệnh	X	X	X	
31	Ghi điện tim tại giường	X	X	X	
32	Thôi ngạt	X	X	X	
33	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
34	Ép tim ngoài lồng ngực	X	X	X	X
35	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	X	X	X	X
36	Rửa dạ dày	X	X	X	X

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
37	Băng bó vết thương	X	X	X	X
38	Cô định tạm thời bệnh nhân gãy xương	X	X	X	X
39	Cầm máu (vết thương chảy máu)	X	X	X	X
40	Vận chuyển bệnh nhân an toàn	X	X	X	X
41	Đặt ống thông dạ dày	X	X	X	X
42	Thông bàng quang	X	X	X	X

II. NỘI KHOA

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	A. THẬN KINH				
1	Phong bế ngoài màng cứng	X	X		
2	Chọc dịch não tủy	X	X		
	B. TIM MẠCH - LONG NGỰC				
27	Sốc điện điều trị rung nhĩ	X	X		
28	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính	X	X		
29	Mở màng giáp nhân cấp cứu	X	X		
30	Bơm rửa màng phổi trong tràn mủ màng phổi	X	X		
31	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị	X	X		
33	Chọc dò u trung thất, u phổi, màng tim	X	X		
34	Kỹ thuật dẫn lưu tư thể điều trị giãn phế quản, áp xe phổi	X	X	X	
35	Mở màng phổi tiêu viêm dẫn lưu khí, dịch màng phổi bằng sonde các loại	X	X	X	
36	Chọc dò màng phổi	X	X	X	
	C. TIÊU HOA - GAN-MẬT-TỤY				
38	Tiêm xơ tĩnh mạch thực quản	X	X		
39	Thắt tĩnh mạch thực quản	X	X		
40	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng	X	X		
41	Chọc hút tế bào gan dưới hướng dẫn siêu âm	X	X		
42	Tiêm thuốc điều trị nang gan dưới hướng dẫn siêu âm	X	X		
43	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	X	X		
44	Hút dịch mật qua tá tràng	X	X		
45	Thắt vòng cao su và tiêm cầm máu qua nội soi	X	X		
48	Chọc áp xe gan qua siêu âm	X	X		
49	Tiêm xơ điều trị trĩ	X	X	X	
50	Chọc dịch màng bụng	X	X	X	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
51	Dẫn lưu dịch màng bụng				
52	Chọc hút áp xe thành bụng	X	X	X	
53	Thụt tháo phân	X	X	X	
54	Đặt sonde hậu môn	X	X	X	X
	D. THẬN - TIẾT NIỆU - LỘC MAU				
56	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất				
57	Lọc máu chu kỳ	X	X		
	E. CƠ - XƯƠNG - KHỚP				
59	Chọc dịch khớp				
	G. DỊ ỨNG - MIỀN DỊCH LAM SANG				
63	Tét lây da (Prick test)				
64	Tét nội bì	X	X	X	X
	H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
66	Tiêm trong da, dưới da, bắp thịt	X	X	X	X
67	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	X	X	X	X

III. NHI KHOA

(Áp dụng đối với chuyên khoa nhi)

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	A. HỒI SỨC CẤP CỨU				
4	Thông khí nhân tạo thở máy dài ngày xâm nhập và không xâm nhập với nhiều phương thức khác nhau	X	X		
5	Sốc điện phá rung nhĩ, con tim đập nhanh	X	X		
6	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm: Đo áp lực tĩnh mạch phổi, hồi sức, lọc máu.	X	X		
7	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết	X	X		
8	Soi dạ dày thực quản chân đoán và cầm máu	X	X		
9	Lọc máu cấp cứu và chu kỳ (ở trẻ đã có mở thông động tĩnh mạch)	X	X		
10	Mở dạ dày cho ăn	X	X		
11	Hút dịch mật qua tá tràng	X	X		
13	Kích thích tim tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	X	X		
14	Sốc điện ngoài lồng ngực	X	X		
15	Chọc hút dịch và dẫn lưu màng ngoài tim dưới siêu âm	X	X		
16	Đặt ống thông Blakemore	X	X		
17	Đặt ống nội khí quản	X	X	X	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
18	Hút dịch, khí màng phổi áp lực thấp	x	x	x	
19	Mở khí quản	x	x	x	
20	Thở máy áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập	x	x	x	
21	Hô hấp nhân tạo bằng máy	x	x	x	
22	Đặt nội khí quản cấp cứu	x	x	x	
23	Mở màng nhân giáp cấp cứu	x	x	x	
24	Đặt ống nội khí quản mò qua đường mũi và đèn soi thanh quản	x	x	x	
25	Thông khí nhân tạo xâm nhập và không xâm nhập bằng thở máy đơn giản	x	x	x	
26	Hô trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	x	x	x	
27	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	x	x	x	
28	Dẫn lưu màng phổi	x	x	x	
29	Dẫn lưu cô chướng	x	x	x	
30	Chọc màng phổi trong viêm mủ màng phổi	x	x	x	
31	Đặt ống thông Foley dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
32	Chọc dịch màng bụng	x	x	x	
33	Làm tét nhanh chân đoán ngộ độc cấp	x	x	x	
34	Chọc dò tuỷ sống	x	x	x	
35	Truyền máu	x	x	x	
36	Thụt tháo phân	x	x	x	
37	Thôi ngạt	x	x	x	x
38	Bóp bóng Ambu	x	x	x	x
39	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
40	Thủ thuật Heimlich	x	x	x	x
41	Băng bó vết thương	x	x	x	x
42	Cô định tạm thời bệnh nhân gãy xương	x	x	x	x
43	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
44	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
45	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	x
	B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
66	Khám nội soi ảo phế quản bằng cắt lớp vi tính hoặc cộng hưởng từ	x	x		
69	Sinh thiết màng phổi (mù)	x	x		
71	Cắt màng thành ngực điều trị ô cận màng phổi (Schede)	x	x		
72	Cắt xẹp thành ngực từ sườn 1 đến sườn 3	x	x		
75	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
83	Chọc dò màng tim, rửa màng tim	x	x		
85	Chọc hút khí màng phổi bằng kim	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
87	Đặt ống thông dạ dày lấy bệnh phẩm xét nghiệm	x	x	x	
88	Mô lấy các khối u nhỏ dưới da, cơ làm chân đoán và điều trị	x	x	x	
	C. TIÊU HOA - BỤNG				
95	Phẫu thuật viêm phúc mạc, tắc ruột	x	x		
96	Phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x		
97	Bơm hơi kiểm tra lồng ruột	x	x		
98	Nong miệng nội hậu môn có gây mê	x	x		
99	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng	x	x		
100	Phẫu thuật mở thông dạ dày trẻ lớn	x	x		
102	Phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hoá, có làm hậu môn nhân tạo	x	x		
103	Phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x		
104	Phẫu thuật tháo lồng ruột, tắc ruột	x	x		
105	Cắt ruột thừa viêm cấp trẻ em dưới 6 tuổi	x	x		
106	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc	x	x		
107	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em dưới 6 tuổi	x	x		
108	Phẫu thuật u nang mạc nối lớn	x	x		
109	Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x		
114	Phẫu thuật mở đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
115	Nong hậu môn dưới gây mê	x	x		
	D. GAN - MẬT - TỤY				
119	Chọc hút áp xe gan	x	x		
120	Phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp lực tĩnh mạch cửa không nối mạch máu	x	x		
121	Dẫn lưu túi mật	x	x		
122	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun lần đầu	x	x		
123	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật-ruột	x	x		
	E. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
129	thông	x	x		
133	Phẫu thuật sỏi bàng quang	x	x		
134	Mở thông bàng quang	x	x		
139	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
140	Phẫu thuật nang thừng tinh một bên	x	x		
146	Phẫu thuật thoát vị bẹn	x	x		
147	Phẫu thuật nước màng tinh hoàn	x	x	x	
148	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
149	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	x	x	x	x
150	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	H. CHÂN THƯƠNG - CHÍNH HÌNH				
161	Băng chỉnh hình: băng số 8, băng chỉnh hình bàn chân khoèo, băng Desault	x	x		
162	Phẫu thuật viêm xương dẫn lưu ngoài ống tuỷ	x	x		
163	Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp	x	x		
164	Phẫu thuật vẹo khuỷu di chứng gãy đầu dưới xương cánh tay	x	x		
165	Cắt u xương lành	x	x		
166	Phẫu thuật tách ngón một (ngón cái) độ II, III, IV	x	x		
167	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	x	x		
168	Dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x		
169	Phẫu thuật cứng đuôi khớp gối đơn thuần	x	x		
170	Phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x		
171	Chọc dò khớp gối	x	x		
172	Phẫu thuật tách ngón một (ngón cái) độ I	x	x	x	
173	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	x	x	x	
174	Cắt bỏ ngón thừa đơn thuần	x	x	x	
175	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x	
176	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x	x	
177	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản khâu cầm máu	x	x	x	
178	Bột ngực vai cánh tay	x	x	x	
179	Bột chậu lưng chân	x	x	x	
180	Bột đùi cẳng bàn chân	x	x	x	
181	Bột cổ bàn ngón tay	x	x	x	

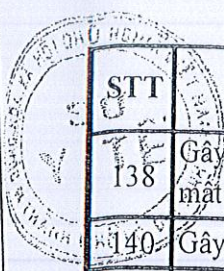
X. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	Gây mê vòng kín với vôi soda	x	x	x	
2	Gây mê lưu lượng thấp	x	x		
4	Gây mê hô hấp bằng mask	x	x	x	
5	Gây mê tĩnh mạch với étomidate, propofol	x	x	x	
6	Gây mê tĩnh mạch với propofol theo AIVOC	x			
7	Gây mê hô hấp bằng mask thanh quản	x	x	x	
8	Gây mê hô hấp bằng ống Combitube	x	x	x	
9	Gây mê hô hấp bằng ống nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
10	Gây mê hô hấp bằng ống nội khí quản 2 nòng	x	x		
11	Gây mê hô hấp với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x		
12	Đặt nội khí quản khó bằng phương pháp thường quy	x	x		
13	Đặt nội khí quản khó bằng ống soi mềm	x	x		
14	Đặt nội khí quản khó bằng đèn có mũi điều khiển	x	x		
15	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x	
16	Theo dõi dẫn cơ bằng máy	x	x		
17	Theo dõi SpO ₂ bằng máy	x	x	x	
18	Theo dõi EtCO ₂ bằng máy	x	x		
19	Theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn	x	x	x	
20	Theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	x	x		
21	Theo dõi nhịp thở bằng máy theo dõi	x	x		
22	Theo dõi thân nhiệt bằng nhiệt kế thường	x	x	x	x
23	Theo dõi thân nhiệt bằng máy theo dõi	x	x		
32	Theo dõi Hct ở buồng phẫu thuật	x	x	x	
33	Theo dõi Hb ở buồng phẫu thuật	x	x		
34	Lấy máu lại trong phẫu thuật bằng phương pháp thủ công	x	x	x	
38	Thử lại nhóm máu trước khi truyền	x	x	x	
39	Truyền dịch trong, sau phẫu thuật	x	x	x	
40	Truyền máu trong, sau phẫu thuật	x	x	x	
42	Gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x		
43	Gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x	
44	Gây tê đám rối cánh tay đường trên đòn	x	x	x	
46	Gây tê thần kinh vùng cổ tay	x	x	x	
47	Gây tê thâm tại chỗ	x	x	x	x
48	Gây tê tuỷ sống	x	x	x	
49	Gây tê ngoài màng cứng	x	x		
50	Gây tê ngoài màng cứng có đặt catheter	x	x		
51	Gây tê khoang cùng	x	x	x	
53	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
54	Giảm đau sau phẫu thuật bằng paracetamol, các thuốc không steroide	x	x	x	x

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
56	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm thuốc qua catheter ngoài màng cứng ngực, thắt lưng	x	x		
57	Giảm đau sau phẫu thuật bằng máy PCA	x	x		
58	Gây mê hồi sức phẫu thuật với người có bệnh van tim kèm theo	x	x		
59	Gây mê hồi sức phẫu thuật với người có bệnh mạch vành kèm theo	x	x		
60	Gây mê hồi sức phẫu thuật với người bệnh có bệnh tim bẩm sinh	x	x		
61	Gây mê hồi sức phẫu thuật người có bệnh tăng huyết áp đã điều trị ổn định	x	x	x	
62	Gây mê hồi sức phẫu thuật trên người có tăng huyết áp chưa ổn định, hay có thương tổn các cơ quan	x	x		
63	Gây mê hồi sức trên người có bệnh phổi kinh niên	x	x		
64	Gây mê hồi sức trên người bệnh có hen phế quản	x	x		
65	Gây mê hồi sức trên người bệnh có dị ứng	x	x		
66	Gây mê hồi sức trên người bệnh suy thận, giảm chức năng thận	x	x		
67	Gây mê hồi sức trên người bệnh suy giảm chức năng gan	x	x		
68	Gây mê hồi sức phẫu thuật người bệnh bị sốc, suy thở	x	x		
69	Gây mê hồi sức ở người bệnh có rối loạn nước điện giải, thăng bằng kiềm toan, rối loạn đông	x	x		
70	Gây mê hồi sức trên người bệnh đái tháo đường	x	x		
71	Gây mê hồi sức trên người bệnh nhược cơ	x	x		
72	Gây mê hồi sức ở người cao tuổi	x	x		
74	Gây mê hồi sức ở trẻ lớn trên 1 tuổi	x	x		
82	Gây mê hồi sức phẫu thuật u màng não ở vị trí dễ	x	x		
83	Gây mê hồi sức phẫu thuật u bán cầu đại não	x	x		
88	Đặt nội khí quản khó trong răng hàm mặt	x	x		
89	Gây mê phẫu thuật chấn thương hàm mặt	x	x		
90	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	x	x		
92	Gây mê cắt amidan ở trẻ em	x	x		
93	Vô cảm phẫu thuật tai mũi họng	x	x		
94	Gây mê hồi sức phẫu thuật vết, chấn thương khí, phế quản, phổi	x	x		

	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	Gây mê hồi sức phẫu thuật vết, chấn thương thành ngực	x	x		
104	Gây mê hồi sức phẫu thuật bóc dính màng tim	x	x		
105	Gây mê hồi sức vết thương tim, chấn thương tim	x	x		
107	Gây mê hồi sức cắt thủy phổi	x	x		
112	Gây mê hồi sức phẫu thuật gan, mật, lách, tụy	x	x		
113	Gây mê hồi sức phẫu thuật thận, niệu quản	x	x		
114	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi u xơ tiền liệt tuyến	x	x		
115	Gây mê hồi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x		
116	Gây mê hồi sức phẫu thuật cắt, tạo hình bàng quang	x	x		
117	Gây mê hồi sức phẫu thuật basedow	x	x		
118	Gây mê hồi sức phẫu thuật bướu cổ nhỏ	x	x	x	
119	Gây mê hồi sức phẫu thuật bướu cổ to	x	x		
120	Gây mê hồi sức phẫu thuật u thượng thận gây tăng huyết áp	x	x		
121	Gây mê hồi sức phẫu thuật bệnh Cushing	x	x		
122	Gây mê hồi sức phẫu thuật u tuyến ức	x	x		
123	Gây mê hồi sức phẫu thuật thực quản	x	x		
124	Gây mê hồi sức phẫu thuật bụng (dạ dày, ruột, mạc treo)	x	x	x	
125	Vô cảm phẫu thuật chi trên	x	x	x	
126	Vô cảm phẫu thuật chi dưới (không kể thay khớp)	x	x	x	
127	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng	x	x		
128	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi ngực	x	x		
129	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi tuyến giáp	x	x		
130	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi trong sản khoa	x	x		
131	Gây mê hồi sức cho thủ thuật ERCP	x	x		
132	Gây mê hồi sức cho soi đại tràng	x	x		
133	Vô cảm cho phẫu thuật nắn xương, khớp	x	x	x	
134	Vô cảm phẫu thuật thoát vị đĩa đệm thắt lưng	x	x		
135	Gây mê hồi sức phẫu thuật lấy thai ở người có bệnh kèm theo	x	x		
136	Gây mê hồi sức phẫu thuật lấy thai ở người không có bệnh kèm theo	x	x	x	
137	Hồi sức trẻ sơ sinh	x	x	x	



STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYÊN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
138	Gây mê hồi sức phẫu thuật lấy thai ở người bệnh mất máu, tụt huyết áp	x	x		
140	Gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong đẻ	x	x		
141	Gây mê hồi sức phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ	x	x	x	
142	Gây mê hồi sức phẫu thuật các bệnh phụ khoa	x	x	x	
143	Gây mê hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở trẻ em	x	x		
144	Gây mê hồi sức người bệnh đa chấn thương (có sốc)	x	x		
145	Gây mê hồi sức người bệnh chấn thương không sốc	x	x	x	
146	Gây mê hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn	x	x	x	
147	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị suy thận	x	x		
148	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị hôn mê	x	x		
149	Hồi sức sau phẫu thuật bị suy gan	x	x		
152	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị suy thở	x	x	x	
153	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị sốc các loại	x	x	x	
154	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị nhiễm trùng	x	x	x	
155	Nuôi dưỡng người bệnh sau phẫu thuật	x	x	x	
156	Hồi sức sau phẫu thuật người bệnh bị tai biến gây mê hồi sức	x	x	x	

XI. NGOẠI KHOA

STT	TÊN KỸ THUẬT				
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	B. TIM MẠCH - LONG NGỤC				
51	Khâu vết thương mạch máu chi	x	x		
57	Cắt một xương sườn trong viêm xương	x	x		
60	Khâu kín vết thương thủng ngực	x	x	x	
61	Thắt các động mạch ngoại vi	x	x	x	
92	Mở ngực lấy máu cục màng phổi	x	x		
93	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng	x	x		
95	Khâu vết thương nhu mô phổi	x	x		
97	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	x	x		
99	Kéo liên tục một màng sườn hay màng ức sườn	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
100	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương, quạ đường ngực hay bụng	x	x	x	
	C. TIÊU HOA - BỤNG				
103	Phẫu thuật điều trị cơ thất tâm vị	x	x		
104	Phẫu thuật cắt lại dạ dày do bệnh lành tính	x	x		
105	Phẫu thuật xoắn dạ dày	x	x		
106	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	x	x		
107	Cắt dây thần kinh X có hay không kèm tạo hình môn vị	x	x		
108	Mở thông dạ dày	x	x	x	
109	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	x	x	x	
110	Cắt túi thừa tá tràng	x	x		
111	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính	x	x	x	
112	Phẫu thuật tắc ruột do dây chằng	x	x		
113	Cắt đoạn ruột non	x	x	x	
115	Phẫu thuật cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma	x	x		
116	Phẫu thuật sa trực tràng đường bụng hoặc đường tầng sinh môn, có cắt ruột	x	x		
117	Cắt dị tật hậu môn trực tràng nổi ngay và không nổi ngay	x	x		
118	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x		
119	Phẫu thuật thoát vị cơ hoành có kèm trào ngược	x	x	x	
120	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	x	x		
121	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt sườn	x	x		
122	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo	x	x		
123	Cắt bỏ trĩ vòng	x	x		
124	Đóng hậu môn nhân tạo trong phúc mạc	x	x		
125	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	x	x		
126	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bẹn có cắt ruột	x	x		
127	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
128	Phẫu thuật viêm ruột thừa	x	x	x	
129	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	x	x	x	
130	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
131	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
132	Đóng hậu môn nhân tạo ngoài phúc mạc	x	x		
133	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x	
134	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x		
135	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x	x	
136	Cắt cơ tròn trong	x	x		
137	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
138	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	x	x		
139	Mở bụng thăm dò	x	x	x	
140	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	x	x		
141	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	x	x		
142	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghệt	x	x	x	
143	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x	
144	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	x	x	x	
145	Khâu lại bực thành bụng đơn thuần	x	x	x	
146	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	x	x	x	
147	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x	
148	Lây máu tụ tăng sinh môn	x	x	x	
149	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	x	x	x	
	D. GAN MẬT TUY				
155	Cắt gan phải hoặc gan trái	x	x		
156	Cắt hạ phân thùy gan	x	x		
157	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan lớn	x	x		
158	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ	x	x		
159	Cắt chỏm nang gan bằng mở bụng	x	x		
160	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	x	x		
161	Dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
162	Lây sỏi ống mật chủ kèm cắt phân thùy gan	x	x		
163	Lây sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm cắt túi mật	x	x		
164	Lây sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	x	x		
165	Lây sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm tạo hình cơ thắt Oddi	x	x		
166	Lây sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr lân đầu	x	x		
167	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nội mật ruột	x	x		
168	Cắt lách bệnh lý do ung thư-, áp xe, xơ lách	x	x		
169	Nội lưu thông cửa chủ	x	x		
170	Nội ống mật chủ - tá tràng	x	x		
171	Nội ống mật chủ - hông tràng	x	x		
172	Dẫn lưu túi mật	x	x	x	
173	Lây sỏi, dẫn lưu túi mật	x	x	x	
174	Dẫn lưu đường mật qua da	x	x		
175	Đặt bộ phận giả đường mật qua da	x	x		
176	Chọc mật qua da, dẫn lưu tạm thời đường mật qua da	x	x		
177	Lây sỏi qua ống Kehr, đường hâm, qua da	x	x		
178	Lây sỏi ống Wirsung, nội Wirsung - hông tràng	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
180	Nội nang tụy - dạ dày	x	x		
181	Nội nang tụy - hồng tràng	x	x		
182	Nội túi mật - hồng tràng	x	x		
183	Dẫn lưu áp xe tụy	x	x		
184	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	x	x		
185	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	x	x		
186	Cắt lách do chấn thương	x	x		
187	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x		
	E. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
191	Cắt thận đơn thuần	x	x		
204	Lây sỏi bàng quang	x	x		
223	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	x	x	x	
226	Dẫn lưu viêm tây khung chậu do rò nước tiểu	x	x	x	
227	Dẫn lưu thận qua da	x	x	x	
228	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
229	Dẫn lưu viêm tây quanh thận, áp xe thận	x	x	x	
230	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x	
247	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x	
248	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x	
250	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	
252	Chích áp xe tăng sinh môn	x	x	x	x
	G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
311	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	x	x		
312	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	x	x		
315	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	x	x		
319	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	x	x		
320	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liên mấu chày hoặc dưới mấu chày	x	x		
321	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	x	x		
322	Đặt nẹp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày	x	x		
323	Ghép trong mất đoạn xương	x	x		
324	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	x	x		
326	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	x	x		
327	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	x	x		
329	Phẫu thuật đinh khớp khuỷu	x	x		
330	Cắt đoạn khớp khuỷu	x	x		
331	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
335	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
336	Phẫu thuật bàn chân khoèo	x	x		
337	Phẫu thuật bàn chân duỗi dõ	x	x		
338	Phẫu thuật can lệch, không kết hợp xương	x	x		
339	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	x	x		
340	Nội gân gấp	x	x		
341	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	x	x		
342	Gỡ dính thân kinh	x	x		
343	Cô định Kirschner trong gãy đầu tiên xương cánh tay	x	x		
344	PT gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	x	x		
345	Cắt dị tật dính ngón, băng và dưới 2 ngón tay	x	x		
347	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	x	x		
348	Phẫu thuật cắt cụt đùi	x	x		
349	Đóng đinh xương chày mở	x	x		
350	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	x	x		
351	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	x	x		
352	Phẫu thuật Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	x	x		
353	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	x	x		
354	Đặt vít gãy thân xương sên	x	x		
355	Gỡ dính gân	x	x		
357	Khâu nối thân kinh	x	x		
358	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
359	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	x	x		
360	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	x	x		
361	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	x	x		
362	Phẫu thuật chân chữ O	x	x		
363	Phẫu thuật chân chữ X	x	x		
364	Phẫu thuật co gân Achille	x	x		
365	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	x	x		
366	Làm cứng khớp ở tư- thế chức năng	x	x		
367	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch	x	x		
379	Nắn trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x		
380	Nắn gãy cổ xương đùi, vỡ ô cối và trật khớp háng	x	x		
381	Nắn gãy mâm chày, bột đùi căng bàn chân	x	x		
382	Nắn bó chỉnh hình chân chữ O, chữ X	x	x		
383	Nắn gãy Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	x	x		
384	Nắn bó giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
385	Nắn bó giai đoạn trong cơ quan vận động	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
386	Gãy nền xương bàn 1 và Bennet	x	x		
387	Phẫu thuật gãy Monteggia	x	x		
388	Cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	
389	Nắn bó bột trật chỏm xương quay	x	x	x	
390	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm ²	x	x	x	
391	Đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	
392	Cắt cụt dưới mấu chuyên xương đùi	x	x	x	
393	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x	
394	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x	
395	Phẫu thuật bong lóc da và cơ sau chân thương	x	x		
396	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	x	x	x	
397	Phẫu thuật gãy xương đòn	x	x	x	
399	Nội gân duỗi	x	x	x	
400	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x	
401	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	
402	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x	x	x	
403	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mô, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
404	Cắt cụt cẳng tay	x	x	x	
405	Tháo khớp khuỷu	x	x	x	
406	Tháo khớp cổ tay	x	x	x	
407	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mô, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
408	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mô, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
409	Tháo khớp gối	x	x	x	
410	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	x	x	x	
411	Cắt cụt cẳng chân	x	x	x	
412	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mô, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
413	Tháo một nửa bàn chân trước	x	x	x	
414	Tháo khớp kiểu Pirogoff	x	x	x	
415	Cắt cụt cánh tay	x	x	x	
416	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	x	x	x	
417	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	x	x	x	
418	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
419	Phẫu thuật viêm tẩy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x	
420	Tháo đốt bàn	x	x	x	
421	Rút đinh các loại	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
422	Nắn bó bột gãy thân xương cánh tay	x	x	x	
423	Nắn bó bột gãy trên lõi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x	
424	Nắn trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	x	x	x	
425	Nắn bó bột gãy thân xương đùi, lõi cầu đùi	x	x	x	
426	Nắn bó bột trật khớp gối	x	x	x	
427	Nắn bó bột gãy xương đùi trẻ em	x	x	x	
428	Nắn bó bột gãy hai xương cẳng chân	x	x	x	
429	Nắn bó bột cẳng bàn chân trong trật khớp cổ chân	x	x	x	
430	Nắn bó bột cẳng bàn chân trong gãy xương bàn chân, ngón chân	x	x	x	
431	Nắn bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
432	Nắn bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
433	Nắn bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
434	Nắn bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x	
435	Nắn bó bột gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	
436	Nắn bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
437	Nắn bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
438	Nắn bó bột cẳng bàn tay trong gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
439	Phẫu thuật vết thương phân mềm trên 10cm	x	x	x	
440	Tháo bỏ các ngón tay, ngón chân	x	x	x	
441	Phẫu thuật vết thương phân mềm từ 5 - 10cm	x	x	x	x
442	Nắn gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	x
443	Nắn trật khớp vai	x	x	x	x
444	Bó bột ông trong gãy xương bánh chè	x	x	x	x
445	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ông	x	x	x	x
446	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x
447	Chích rạch áp xe	x	x	x	x
	H. TẠO HÌNH				
455	Di chuyển các vật da hình trụ	x	x		
456	Ghép da tự do trên diện hẹp	x	x	x	
457	Sửa sẹo xấu, sẹo quá phát đơn giản	x	x	x	
458	Cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x	
459	Tạo hình phủ khuyết với vật da cơ có cuống	x	x	x	
	I. PHAU THUẬT NỘI SOI				
472	Lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x		
473	Cắt túi mật qua nội soi	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
475	Cắt dây dính trong ổ bụng qua nội soi	X	X		
476	Phẫu thuật thoát vị bẹn qua nội soi	X	X		
479	Cắt ruột thừa qua nội soi	X	X		
480	Cắt chỏm nang gan qua nội soi	X	X		
481	Khâu thủng dạ dày qua nội soi	X	X		
483	Cắt chỏm nang thận nội soi	X	X		

XIV. PHỤ SẢN

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
14	Chọc hút nước ối trong chân đòn trước sinh	X	X		
17	Phẫu thuật nội soi điều trị chửa ngoài tử cung	X	X		
18	Phẫu thuật nội soi cắt, bóc u nang buồng trứng	X	X		
21	Cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị trong chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	X	X		
22	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	X	X		
24	Cắt tử cung không hoàn toàn trong viêm phần phụ, khối u dính vòi trứng	X	X		
25	Phẫu thuật lấy thai trong bệnh đặc biệt: Tim, thận, gan	X	X		
30	Mổ lấy thai lần hai hay lần thứ ba có dính	X	X		
37	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo	X	X		
41	Phá thai đến hết 7 tuần bằng thuốc	X	X		
42	Phá thai bệnh lý hoặc mẹ mổ cũ	X	X	X	
43	Tháo dụng cụ tử cung khó	X	X	X	
44	Khâu vòng cổ tử cung	X	X	X	
45	Khâu tử cung do nạo thủng	X	X	X	
46	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	X	X	X	
47	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	X	X	X	
48	Phẫu thuật cắt tử cung bán phần hay cả khối	X	X	X	
49	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	X	X	X	
50	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung lấy máu tụ thành nang	X	X	X	
51	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	X	X	X	
52	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ (Pomeroy)	X	X	X	
53	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	X	X	X	
54	Khâu rách cùng đồ	X	X	X	
55	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	X	X	X	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
56	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn	x	x	x	
57	Làm lại thành âm đạo	x	x	x	
58	Đỡ đẻ ngôi ngược	x	x	x	
59	Nội xoay thai	x	x	x	
60	Đỡ đẻ sinh đôi	x	x	x	
61	Forceps	x	x	x	
62	Giác hút	x	x	x	
63	Phá thai dưới 12 tuần	x	x	x	
64	Chích áp xe vú	x	x	x	
65	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x	
66	Đốt cô tử cung: Đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, đốt sùi âm hộ, âm đạo	x	x	x	
67	Cây - Rút mảnh ghép tránh thai nhiều que	x	x	x	
68	Cây - Rút mảnh ghép tránh thai một que	x	x	x	
69	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
70	Chọc hút dịch do máu tụ sau mô	x	x	x	
72	Theo dõi và quản lý thai bệnh lý	x	x	x	
73	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	
74	Đẻ chỉ huy	x	x	x	
75	Nghiệm pháp lọt ngôi chồm	x	x	x	
76	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
77	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
78	Bóc nang tuyến Bactholin	x	x	x	
80	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
81	Thay băng làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm trùng toàn bộ	x	x	x	x
82	Hồi sức sơ sinh ngạt	x	x	x	x
83	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x
84	Theo dõi và quản lý thai sản thường	x	x	x	x
85	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x
86	Hút thai dưới 7 tuần	x	x	x	x
87	Đỡ đẻ thường ngôi chồm	x	x	x	x
88	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x
89	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x
90	Cắt và khâu tăng sinh môn	x	x	x	x
91	Khâu rách tăng sinh môn độ 2	x	x	x	x
92	Kỹ thuật tắm bé	x	x	x	x

XV. MẮT

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT
-----	--------------	----------------

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
61	Nâng sống mũi với chất liệu tự thân	x	x		
62	Tạo hình mũi độn silicon	x	x		
63	Sửa khô sụn mũi quá rộng, khoằm, mỏ vịt	x	x		
65	Sửa gai mũi, góc mũi, môi trên	x	x		
66	Khoan thăm dò xoang trán	x	x		
67	Nắn sống mũi sau chân thương	x	x	x	
68	Nhét bậc mũi sau	x	x	x	
69	Nhét bậc mũi trước	x	x	x	
70	Đốt cuốn mũi	x	x	x	
71	Bẻ cuốn dưới	x	x	x	
72	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
73	Làm Proetz	x	x	x	
74	Nạo VA nếu có thầy thuốc chuyên khoa	x	x	x	
C. HỌNG - THANH QUAN					
89	Phẫu thuật chữa ngáy	x	x		
91	Phẫu thuật chỉnh hình họng, màn hầu, lưỡi gà	x	x		
92	Vi phẫu thanh quản	x	x		
94	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, l-uối	x	x		
95	Chích áp xe thành sau họng	x	x		
96	Ap lạnh Amidan	x	x		
97	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi	x	x		
98	Lây dị vật hạ họng	x	x	x	
99	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x	
100	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
101	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
102	Đốt nhiệt họng hạt	x	x	x	
103	Đốt lạnh họng hạt	x	x	x	
104	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
105	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x	x	
106	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
107	Rửa vòm họng	x	x	x	
108	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngạt thở	x	x	x	
109	Sơ cứu bông ký dậu đường hô hấp	x	x	x	
110	Lây dị vật họng miệng	x	x	x	x
111	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
D. CO - MẶT					
116	Phẫu thuật chân thương xoang trán	x	x		
117	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh giáp móng	x	x		
121	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	x	x		
123	Phẫu thuật chỉnh hình sẹ hẹp lỗ mũi trước	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
124	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt dưới 5cm	x	x		
125	Phẫu thuật tuyến dưới hàm	x	x		
126	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	
127	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	

XIX. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
8	Siêu âm qua trực tràng hoặc âm đạo	x	x		
10	Siêu âm đen trắng sản phụ khoa	x	x	x	
11	Siêu âm Doppler/ Dupplex/ Triplex	x	x		
13	Siêu âm 3D/4D	x	x		
14	Siêu âm Doppler màu	x	x		
15	Siêu âm khớp và phần mềm	x	x		
17	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
18	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	
19	Siêu âm màu tim, mạch	x	x	x	
20	Siêu âm chẩn đoán bệnh lý thận tiết niệu	x	x	x	
21	Siêu âm kiểu B đen trắng (ô bụng, sản khoa)	x	x	x	
31	Chụp CT, chụp cộng hưởng từ các tuyến nội tiết và các cơ quan khác có liên quan.	x	x		
32	Chụp cắt lớp đo khoáng xương	x	x		
33	Chụp cộng hưởng từ nam châm vĩnh cửu không và có tiêm thuốc đối quang	x	x		
40	Chụp CT Scan có tiêm thuốc cản quang tĩnh mạch- Chụp sọ não	x	x		
47	Chụp l-ru thông ruột non không dùng ống thông	x	x		
48	Chụp dạ dày hay đại tràng có đối quang kéo	x	x		
49	Chụp mật ngược dòng (ERCP)	x	x		
50	Chụp mật ngược dòng (ERCP)- lấy sỏi giun, đặt Stent, cắt cơ Oddi, nong đường mật, dẫn lưu mật-mũi	x	x		
51	Chụp mật qua ống dẫn l-ru (Kehr, Petzer)	x	x		
53	Chụp Xquang tại giường	x	x		
54	Chụp Xquang tử cung-vòi trứng	x	x		
55	Chụp Xquang có tiêm thuốc đối quang đường tĩnh mạch	x	x		
57	Chụp Xquang trong mô	x	x		
65	Chụp thận xuôi dòng qua ống dẫn l-ru	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
68	Chụp đường tiết niệu cản quang tiêm tĩnh mạch (UIV)	x	x		
70	Chụp đường rò các loại	x	x		
71	Chụp tử cung- vòi trứng	x	x		
75	Chụp X quang ống tiêu hoá có sử dụng chất đối quang uống hoặc bơm qua trực tràng	x	x	x	
76	Xquang thường quy (tim, phổi, xương, bụng, ...)	x	x	x	
77	Chụp phim răng	x	x	x	
78	Chụp Blondeau + Hirtz	x	x	x	

XXI. NỘI SOI

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	Soi mũi họng	x	x		
13	Soi ô bụng/hô thận/khung chậu để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
14	Soi ô bụng- sinh thiết	x	x		
15	Soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	x	x		
16	Soi thực quản- dạ dày	x	x	x	
17	Soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	x	x		
18	Soi thực quản-dạ dày, điều trị giãn tĩnh mạch thực quản	x	x		
19	Soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x		
20	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	x	x		
22	Soi dạ dày tá tràng để chẩn đoán và điều trị	x	x		
24	Nội soi đại tràng sigma	x	x		
25	Soi đại tràng-lấy dị vật, tiêm cầm máu, thắt trĩ	x	x		
26	Soi đại tràng ống mềm để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng đường ruột	x	x		
27	Soi trực tràng cắt u có sinh thiết	x	x		
28	Soi trực tràng	x	x	x	
29	Soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	x	x		
31	Nội soi đường mật qua tá tràng	x	x		
35	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
36	Soi bàng quang	x	x		
37	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
40	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	x	x		
41	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
43	Nội soi khớp chân đoán	x	x		

XXII. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
15	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
16	Holter điện tâm đồ	x	x		
17	Holter huyết áp	x	x		
22	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống	x	x	x	
25	Điện tâm đồ	x	x	x	x

XXIII. HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU-MIỄN DỊCH-DI TRUYỀN

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	A. XÉT NGHIỆM TẾ BAO				
15	Nhuộm periodic acid Schiff (PAS)	x	x		
22	Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm tự động	x	x	x	
23	Hồng cầu lưới (phương pháp thủ công)	x	x	x	
24	Huyết đồ	x	x	x	
25	Độ tập trung tiêu cầu	x	x	x	
29	Máu lắng (trên máy tự động)	x	x	x	
30	Soi tươi tế bào cận nước tiêu có nhuộm tiêu bản	x	x	x	
31	Xét nghiệm tế bào nước dịch	x	x	x	
32	Tế bào cận nước tiêu/ cận Addis	x	x	x	
33	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu	x	x	x	x
34	Tìm ấu trùng giun chỉ trong máu	x	x	x	x
35	Công thức máu	x	x	x	x
36	Soi tươi tế bào cận nước tiêu	x	x	x	x
	B. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
59	Định lượng yếu tố đông máu	x	x		
69	Tỷ lệ Prothombin (Thời gian Quick) (làm bằng máy)	x	x	x	
70	Thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) (Thời gian Cephalin – Kaolin)	x	x	x	
71	Định lượng Fibrinogen	x	x	x	
72	Thời gian thrombin (TT)	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
74	Đông máu cơ bản (Gồm các xét nghiệm: PT, APTT, Fibrinogen, Số lượng tiểu cầu)	x	x	x	
75	Thời gian máu chảy	x	x	x	x
76	Thời gian máu đông	x	x	x	x
77	Cơ cục máu	x	x	x	x
78	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
	C. MIEN DỊCH HUYẾT HỌC				
89	Điện di protein huyết thanh, nước tiểu	x	x		
	E. MIEN DỊCH SANG LỌC				
124	HBsAg (ELISA)	x	x		
125	Anti-HCV(ELISA)	x	x		
127	Anti-HBs (ELISA)	x	x		
129	Anti- HBc IgM (ELISA)	x	x		
130	Anti- HBe (ELISA)	x	x		
133	Kháng thể Syphilis (ELISA)	x	x		
139	HBsAg (nhanch)	x	x	x	
140	Anti-HCV (nhanch)	x	x	x	
141	Anti- HIV (nhanch)	x	x	x	
	G. MIEN DỊCH PHÁT MAU				
155	Định nhóm máu hệ Rh khác (C,c,E,e)	x	x		
156	Định nhóm máu hệ Rh (D yếu , D từng phần)	x	x		
157	Định nhóm máu A ₁	x	x		
158	Định nhóm máu khó hệ ABO	x	x		
159	Xét nghiệm phát máu hoà hợp ngoài hệ ABO	x	x		
160	Xét nghiệm phát máu (gồm cả định nhóm máu ABO, Rh-D, phản ứng hoà hợp)	x	x	x	
161	Định nhóm máu hệ Rh (D)	x	x	x	
162	Định nhóm máu hệ ABO	x	x	x	x
	I. CÁC KỸ THUẬT TRUYỀN MAU				
177	Lưu trữ máu toàn phần, khô hồng cầu	x	x	x	
178	Lưu trữ huyết tương tươi đông lạnh	x	x	x	
179	Lưu trữ tua yếu tố VIII	x	x		
180	Lưu trữ khô tiêu cầu	x	x		
187	Truyền máu toàn phần	x	x	x	
188	Truyền khô hồng cầu	x	x	x	
189	Truyền huyết tương đông lạnh	x	x	x	
190	Truyền tiêu cầu	x	x		
200	Hematocrite trong chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue	x	x	x	

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã

XXIV. HOÁ SINH

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
	A. MAU				
59	CK	x	x		
60	CKMB	x	x		
64	Phosphatase kiềm	x	x		
65	T3	x	x		
66	FT3	x	x		
67	T4	x	x		
68	FT4	x	x		
69	TSH	x	x		
71	Acid Lactic	x	x		
72	Alpha.FP	x	x		
73	Khí máu	x	x		
74	Triglycerid	x	x		
75	HDL – Cholesterol	x	x		
76	LDL – Cholesterol	x	x		
77	Điện giải đồ (ngoài Na, K, Cl)	x	x		
78	Phospho	x	x		
79	Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
80	Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
81	Albumin	x	x	x	
82	Globulin	x	x	x	
83	A/G	x	x	x	
84	Calci	x	x	x	
86	Sắt	x	x	x	
87	Urê	x	x	x	
88	Glucose	x	x	x	
89	Creatinin	x	x	x	
90	Acid Uric	x	x	x	
91	Bilirubin toàn phần	x	x	x	
92	Protein TP	x	x	x	
93	Fibrinogen	x	x	x	
94	Cholesterol	x	x	x	
95	AST (GOT)	x	x	x	
96	ALT (GPT)	x	x	x	
97	Amylase	x	x	x	
	B. NUOC TIEU				
102	Amylase	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
103	Calci	x	x		
104	Phospho	x	x		
106	Protein Bence -jone	x	x		
107	Đường chấp	x	x		
108	Ure	x	x	x	
109	Axit Uric	x	x	x	
110	Creatinin	x	x	x	
111	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
112	Định l-ượng Protein	x	x	x	
113	Định l-ượng Đường	x	x	x	
114	Tổng phân tích nư-ớc tiêu	x	x	x	
115	Amphetamin (Định tính) (test nhanh)	x	x	x	
116	Marijuana (định tính) (test nhanh)	x	x	x	
117	Opiate: Morphin; Codein (định tính)(test nhanh)	x	x	x	
118	Định tính Protein (test nhanh)	x	x	x	x
119	Định tính Đ-ường (test nhanh)	x	x	x	x
	C. DỊCH NAO TUY				
120	Protein	x	x	x	
121	Đ-ường	x	x	x	
122	Clo	x	x	x	
	D. DỊCH CHỌC DỖ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...):				
124	Protein	x	x	x	

XXVI. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO BỆNH HỌC

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
8	Chọc hút tế bào tủy giáp bằng kim nhỏ	x	x		
9	Chọc hạch lâm hạch đồ (thượng đòn nách...)	x	x		
10	Chọc dò tinh hoàn	x	x		
11	Chích nạo vét hạch	x	x		
13	Lây và phẫu tích bệnh phẩm (lây mẫu tử thiết)	x	x		
14	Chuyên đúc, cắt mảnh, nhuộm, đọc tiêu bản tử thiết	x	x		
15	Phẫu tích bệnh phẩm phẫu thuật (phôi, dạ dày, ruột, tử cung, buồng trứng...)	x	x		
16	Cắt lạnh (frozen section) và chẩn đoán tức thì mô bệnh học	x	x		

STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
17	Chuyên đúc, cắt mảnh, nhuộm, đọc tiêu bản sinh thiết	x	x		
18	Chuyên đúc, cắt mảnh, nhuộm, đọc tiêu bản sinh thiết qua nội soi, chẩn đoán hình ảnh	x	x		
19	Chọc hút tế bào mọi khối u-sar, khối u sò rắn được (da, hạch, tuyến giáp, vú, mô mềm, khớp, tuyến nước bọt...)	x	x		
20	Chọc hút tế bào ở gan, phổi, lách, thận	x	x		
21	Chọc hút tế bào tụy, tuyến tiền liệt, tinh hoàn, thận, buồng trứng, hốc mắt, não	x	x		
22	Thực nghiệm trên súc vật để đánh giá tổn thương qua mô bệnh học (nếu ở tuyến tỉnh, cần kiểm định lại)	x	x		
23	Nhuộm Diff-quick, HE, Papanicolaou về tế bào học	x	x		
24	Nhuộm mô: HE, PAS, Hicks, xanh Alcian, Trichrome, Vangieson, Soudan, đỏ Công gô.	x	x		
25	Kỹ thuật hoá mô miễn dịch và chẩn đoán (tối thiểu từ 5 dấu ấn trở lên)	x	x		
26	Sinh thiết da	x	x		
27	Sinh thiết mô mềm	x	x		
28	Sinh thiết khí, phế quản, màng phổi, trung thất	x	x		
29	Sinh thiết vòm họng, thanh quản, hốc mũi, hạ họng	x	x		
30	Sinh thiết cơ, xương, khớp	x	x		
31	Sinh thiết buồng tử cung, cổ tử cung, âm đạo	x	x		
32	Sinh thiết tai giữa	x	x		
33	Xét nghiệm tế bào tuyến giáp, áp sinh thiết tức thì sau mổ, xét nghiệm mô bệnh học...	x	x		
34	Sinh thiết gan trong chẩn đoán viêm gan vi rút, ung thư gan, áp xe gan	x	x		
35	Sinh thiết trực tràng, đại tràng qua nội soi	x	x		
36	Sinh thiết phổi dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
37	Sinh thiết phổi hút	x	x		
38	Sinh thiết xương dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
39	Sinh thiết tuyến giáp, tuyến vú dưới siêu âm	x	x		
40	Sinh thiết phân mô dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
41	Sinh thiết cơ tim, nội tâm mạc	x	x		
42	Sinh thiết màng phổi (mù)	x	x		
43	Tế bào phiên đồ áp	x	x		
44	U đồ	x	x		
45	Chọc dò, sinh thiết gan qua siêu âm, CT. Scan	x	x		



STT	TÊN KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
46	Chọc tuỷ xương làm tuỷ đỏ, sinh thiết	x	x		
47	Chọc dò, làm sinh thiết, chẩn đoán tế bào học hoặc dẫn lưu dưới hướng dẫn của siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ	x	x		
48	Nạo giác mạc lấy tổ chức soi tìm chẩn đoán vi khuẩn, nấm, tế bào	x	x		
49	Xét nghiệm tế bào học bong cổ tử cung âm đạo	x	x	x	
50	Xét nghiệm tế bào học bong các dịch có lý tâm (nước tiểu, dịch màng phổi, dịch màng bụng, khớp...)	x	x	x	
51	Nhuộm Giemsa	x	x	x	
52	Sinh thiết u vùng cổ-mặt	x	x	x	
53	Sinh thiết Amidan	x	x	x	
54	Sinh thiết u vùng khoang miệng	x	x	x	
55	Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ để chẩn đoán (FNA)	x	x	x	

Handwritten signature



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

HÌNH ẢNH [?] THỰC TẾ

HÌNH ẢNH THỰC TẾ



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC



HÌNH ẢNH THỰC TẾ



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!